

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước  
lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 91/TTr-SXD ngày 12 tháng 11 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND cấp xã căn cứ Danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định này tổ chức triển khai lựa chọn đơn vị cung cấp các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTN, KTTH, THĐT;
- Lưu: VT, KTN<sub>Tùng</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Thịnh**

**Phụ lục****DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên dịch vụ
1	<b>Lập các đồ án quy hoạch theo phân cấp không thuộc phạm vi hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật quy hoạch</b> (Bao gồm toàn bộ các công việc liên quan đến tổ chức lập quy hoạch)
1.1	Quy hoạch đô thị đối với thành phố trực thuộc trung ương, đô thị thuộc tỉnh gồm: Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết
1.2	Quy hoạch nông thôn đối với cấp xã: Quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết
1.3	Quy hoạch khu chức năng đối với khu chức năng: Quy hoạch chung khu chức năng, quy hoạch phân khu khu chức năng, quy hoạch chi tiết khu chức năng
1.4	Quy hoạch không gian ngầm đối với thành phố trực thuộc trung ương
1.5	Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với thành phố trực thuộc trung ương gồm các chuyên ngành: Giao thông; cấp nước; cao độ nền và thoát nước; quản lý chất thải rắn và nghĩa trang
1.6	Quy hoạch khác do UBND tỉnh giao.
2	<b>Nghiên cứu thiết kế điển hình, thiết kế mẫu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng</b>
3	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu, đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành xây dựng</b>
4	<b>Xây dựng, thu thập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng, phát triển cổng thông tin điện tử</b>
4.1	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu, đăng tải và cung cấp thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xây dựng có trụ sở chính trên địa bàn (bao gồm cả các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng)
4.2	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng, kiến trúc

<b>TT</b>	<b>Tên dịch vụ</b>
4.3	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở, công sở thuộc tài sản công
4.4	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về phát triển đô thị
4.5	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật, công trình ngầm đô thị
4.6	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về công viên, cây xanh, mặt nước
4.7	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải
4.8	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức; đơn giá; giá xây dựng; chỉ số giá xây dựng
4.9	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản
4.10	Xây dựng, quản lý và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở xã hội, đối tượng mua nhà ở xã hội
4.11	Xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực ngành quản lý
<b>5</b>	<b>Điều tra, thống kê theo ngành xây dựng</b>
5.1	Điều tra, khảo sát thu thập xây dựng dữ liệu cho các công tác: Lập và công bố chỉ số giá xây dựng; giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công; giá vật liệu xây dựng
5.2	Điều tra, thống kê thông tin về nhà ở
5.2	Điều tra thống kê tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung
5.3	Điều tra thống kê, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê ngành xây dựng
5.4	Điều tra thống kê về bảo trì công trình xây dựng là tài sản công
<b>6</b>	<b>Lĩnh vực kinh tế xây dựng và vật liệu xây dựng</b>
6.1	Lập định mức kinh tế - kỹ thuật đặc thù thuộc các lĩnh vực xây dựng, giao thông, vận tải, dịch vụ công, dịch vụ công ích, hạ tầng kỹ thuật tại địa phương
6.2	Xây dựng đơn giá nhân công xây dựng; đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình; giá thuê máy và thiết bị thi công; đơn giá dịch vụ công, dịch vụ công ích, hạ tầng kỹ thuật; chỉ số giá xây dựng;

TT	Tên dịch vụ
	suất vốn đầu tư xây dựng; đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc gắn liền với đất
6.3	Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng.
6.4	Dịch vụ thí nghiệm đối chứng vật liệu, cấu kiện, kết cấu xây dựng phục vụ yêu cầu quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng
6.5	Lập đề xuất dự án đầu tư, đề xuất chủ trương đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất cho các dự án được UBND tỉnh giao thực hiện lựa chọn chủ đầu tư
6.6	Xác định giá trị tài sản là nhà, công trình xây dựng trong tố tụng dân sự, hình sự
<b>7</b>	<b>Lĩnh vực kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng</b>
7.1	Kiểm định xây dựng, giám định xây dựng, giám định tư pháp trong hoạt động xây dựng
7.2	Dịch vụ thí nghiệm đối chứng; kiểm định xây dựng; thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu phục vụ công tác kiểm tra chất lượng công trình xây dựng của cơ quan nhà nước
7.3	Dịch vụ khảo sát, đo đạc, thiết kế xây dựng; lập hoặc thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán đầu tư xây dựng công trình
7.4	Dịch vụ triển khai áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng
<b>8</b>	<b>Lĩnh vực phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật</b>
8.1	Dịch vụ lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị, lập đề án phân loại đô thị
8.2	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị
8.3	Dịch vụ lập đề án, đề tài, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành xây dựng về phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật
8.4	Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng
8.5	Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay, mảng xanh đô thị

<b>TT</b>	<b>Tên dịch vụ</b>
8.6	Dịch vụ duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị
<b>9</b>	<b>Lĩnh vực quản lý nhà và thị trường bất động sản</b>
9.1	Xây dựng chương trình phát triển nhà ở, kế hoạch phát triển nhà ở
9.2	Dịch vụ quản lý nhà ở thuộc tài sản công
9.3	Dịch vụ quản lý, bảo trì, phá dỡ, cải tạo trụ sở, nhà ở thuộc tài sản công, nhà chung cư
9.4	Kiểm định đánh giá chất lượng nhà chung cư
9.5	Dịch vụ rà soát, thống kê, phân loại; đo vẽ, thiết lập hồ sơ đo vẽ lại; lập kế hoạch bảo trì, cải tạo, sửa chữa nhà ở thuộc tài sản công
<b>10</b>	<b>Lĩnh vực đào tạo, ứng dụng khoa học công nghệ</b>
10.1	Xây dựng chương trình và đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác theo chương trình, đề án, nhiệm vụ được giao
10.2	Xây dựng chương trình và đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn quản lý đô thị
10.3	Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải
<b>11</b>	<b>Lĩnh vực công ích đô thị</b>
11.1	Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị (đối với nhà tang lễ, nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước)
11.2	Dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước; xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung
<b>12</b>	<b>Lĩnh vực giao thông vận tải</b>
12.1	Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
12.2	Dịch vụ vận tải công cộng tại đô thị
12.3	Dịch vụ lĩnh vực đường sắt
12.4	Dịch vụ lĩnh vực đường thủy nội địa